

Bản án số: 77/2020/HS-ST
Ngày 25/ 11/ 2020;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai;

Bà Khuất Thị Khuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 83/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Kiều Văn B, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1987; tại xã T, huyện T, thành phố H; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Kiều Thành P, sinh năm 1947 và bà Ngô Thị M (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Không (Bị cáo hiện đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7; Địa chỉ: Thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố H). Nhân thân: Năm 2011 đi cai nghiện bắt buộc; Danh chỉ bản số 232 do Công an huyện T lập ngày 29/7/2020. Có mặt.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Cánh Chủ, xã Yên Bình, huyện T, thành phố H;

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Hồ Sỹ H, sinh năm 1989; vắng mặt;

Trú tại: Thôn 1, xã Thạch Hòa, huyện T, Thành phố H;

***Người làm chứng:** Ông Bùi Văn P, sinh năm 1965; vắng mặt;

Trú tại: Xã T, huyện T, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Văn B, sinh ngày 11/10/1987; trú tại: thôn 1, xã T, huyện T, thành phố H là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Do không có tiền tiêu sài nên ngày 29/02/2020, B đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 2, xã Yên Bình, huyện T, thành phố H làm nghề cho thuê cốp pha. B đã gọi điện cho anh L nói tên là Công ở thôn 1, xã T, huyện T, Thành phố H hỏi thuê của anh L 50 tấm cốp pha bằng sắt gồm: 08 tấm kích thước 30cm x 360cm; 27 tấm kích thước 200cm x 40cm; 11 tấm kích thước 200cm x 50cm; 4 tấm tôn và yêu cầu anh L ngày 01/3/2020 chở số cốp pha trên ra công sân bóng Vietten tại thôn 6, xã Thạch Hòa, huyện T. Khoảng 10 giờ, ngày 01/3/2020, anh L chở số cốp pha trên đến công sân bóng Vietten và bàn giao 50 tấm cốp pha cho B. Sau khi nhận được 50 tấm cốp pha do anh L bàn giao, B đã bán 50 tấm cốp pha đó cho anh Hồ Sỹ H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn 6, xã Thạch Hòa, huyện T (làm nghề thu mua phế liệu) được 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 04/3/2020 và nhiều ngày sau đó anh L đã liên lạc với B nhưng không liên lạc được nên đã đi tìm hiểu và biết được Kiều Văn B không phải là thợ xây và cũng không nhận bất cứ công trình xây dựng nào và B đã lâu không về nhà, B đã nói dối tên là Công để lừa anh L nên anh L đã trình báo sự việc trên với cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra Kiều Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tang vật thu giữ :

- 08 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 30cm x 360cm; 22 tấm bằng kim loại kích thước 200cm x 40cm; 10 tấm bằng kim loại kích thước 200cm x 50cm; 4 tấm tôn;

- Đối với 05 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 200cm x 40cm và 01 tấm cốp pha bằng kim loại có kích thước 200cm x 50cm, sau khi mua của B anh H đã bán cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐG và số 48/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận:

- 08 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 30cm x 360cm; 22 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 200cm x 40cm; 10 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 200cm x 50cm; 4 tấm tôn có tổng giá trị là: 7.933.800 đồng (B triệu chín trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng);

- 05 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 200cm x 40cm và 01 tấm cốp pha có kích thước 200cm x 50cm không thu giữ được có giá trị là: 999.000 đồng (chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh L có giá trị là: 8.932.800 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Về trách nhiệm dân sự

Anh Nguyễn Văn L đã nhận lại 08 tấm kích thước 30cm x 360cm; 22 tấm kích thước 200cm x 40cm; 10 tấm kích thước 200cm x 50cm; 4 tấm tôn. Đối với 05 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 200cm x 40cm và 01 tấm cốp pha có kích thước 200cm x 50cm không thu hồi được anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Anh Hồ Sỹ H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền anh H mua cốp pha của bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H truy tố bị cáo Kiều Văn B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Kiều Văn B từ 12 - 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả anh Hồ Sỹ H số tiền mua cốp pha là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Kiều Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Kiều Văn B là đối tượng nghiện ma túy. Do không có tiền tiêu sài nên ngày 29/2/2020, B đã gọi điện cho anh L nói tên là Công ở thôn 1, xã T, huyện T, Thành phố H và hỏi thuê của anh L 50 tấm cốp pha bằng sắt gồm: 08 tấm kích thước 30cm x 360cm; 27 tấm kích thước 200cm x 40cm; 11 tấm kích thước 200cm x 50cm; 4 tấm tôn và yêu cầu anh L ngày 01/3/2020 chở số cốp pha trên ra cổng sân bóng Vietten tại thôn 6, xã Thạch Hòa, huyện T nhằm mục đích chiếm đoạt số tài sản trên của anh L. Đến ngày 01/3/2020, anh L đã chở đủ số cốp pha trên đến sân bóng bàn giao cho B, sau khi nhận được số cốp pha do anh L bàn giao, B đã bán số cốp pha đó cho anh Hồ Sỹ H với số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Theo kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T thì tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh L có giá trị là 8.932.800 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng); tại thời điểm phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 - Bộ luật Hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Năm 2011 bị cáo bị UBND huyện T ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, hiện bị cáo đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7. Do vậy, căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần xử lý nghiêm trước pháp luật và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản gồm: 08 tấm kích thước 30cm x 360cm; 22 tấm kích thước 200cm x 40cm; 10 tấm kích thước 200cm x 50cm; 4 tấm tôn. Đối với 05 tấm cốp pha bằng kim loại kích thước 200cm x 40cm và 01 tấm cốp pha có kích thước 200cm x 50cm không thu hồi được anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hồ Sỹ H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền anh H mua cốp pha của bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự nên buộc bị cáo phải hoàn trả anh H số tiền trên.

[7] Đối với anh Hồ Sỹ H có hành vi mua tài sản do B phạm tội mà có. Tuy nhiên, khi mua anh H không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kiều Văn B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Kiều Văn B 15** (Mười năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Kiều Văn B hoàn trả anh Hồ Sỹ H số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Kiều Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND thành phố H;*
- *CA, VKSND, THA huyện T;*
- *Bị cáo; bị hại, Người có QLNVLQ;*
- *UBND xã T, T;*
- *Lưu HS, VP.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy